

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÀNG LONG
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2019/HNGĐ-ST.
Ngày: 14-10-2019.
“V/v Tranh chấp về ly hôn và
tranh chấp về quyền nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÀNG LONG, TỈNH TRÀ VINH.

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Liên.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Thạch Thanh Long.
2/ Ông Kiên Ngọc Minh.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Cẩm Thu - Thư ký Toà án nhân dân huyện
Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh tham gia
phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Ngoan - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 285/2019/TLST-HNGĐ, ngày 26 tháng 8 năm 2019 về việc: “*Tranh chấp về Ly hôn và tranh chấp về quyền nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 159/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Bé B, sinh năm 1981. (Có mặt)

Nơi đăng ký Hộ khẩu thường trú: ấp R, xã N L, huyện C L, tỉnh Trà Vinh.
Chỗ ở hiện nay: ấp 6, xã A T, huyện C L, tỉnh Trà Vinh.

Bị đơn: Ông Châu Văn H, sinh năm 1980. (Vắng mặt có lý do).

Địa chỉ: ấp R R 1, xã N L, huyện C L, tỉnh Trà Vinh.

Con chung của vợ chồng: Em Châu Văn P, sinh ngày 18 tháng 8 năm 2002.
(Có mặt)

Chỗ ở hiện nay: ấp 6, xã A T, huyện C L, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Lê Thị Bé B có lời trình bày như sau: Bà với ông Châu Văn H do mai mối và được gia đình cha mẹ hai bên đồng ý tổ chức lễ cưới vào năm 1999, hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A T, huyện C L, tỉnh T V vào ngày 14/5/2001. Nữ trang trong ngày cưới gồm 01 đôi bông tai 01 chỉ vàng 24kra và 01 sợi dây chuyền 01 chỉ vàng 24Kra, số nữ trang này hiện nữ trang không còn do trong thời gian chung sống bà với ông H đã thống nhất bán hết để lấy vốn làm ăn. Sau khi cưới bà với ông H về chung sống hạnh phúc đến năm 2000 thì phát sinh mâu thuẫn và mâu thuẫn kéo dài đến tháng 02 năm 2015, nguyên nhân là

do ông H thường xuyên đi nhậu về đánh đập, hành hạ bà, xúc phạm danh dự của bà và các con, ông H đuổi bà đi nhiều lần nhưng bà cố hàn gắn tình cảm vợ chồng vì bà thương hai người con. Rất nhiều lần bà với ông H cự cãi và bà đã cho ông H cơ hội sửa đổi nhưng ông H không sửa đổi mà ngày càng phát sinh thêm. Từ tháng 02 năm 2015 bà với ông H đã sống ly thân cho đến nay không hàn gắn lại được.

Tại phiên hôm nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa bà với ông H không còn hạnh phúc, thời gian tới không thể tiếp tục chung sống với nhau nên bà yêu cầu được ly hôn với ông H.

Về con chung: Có hai người con chung là em Châu Thị Yến N, sinh ngày 11/10/2000 hiện đã trưởng thành và em Châu Văn P, sinh ngày 18/8/2002 hiện em P đang sống chung với bà. Sau khi ly hôn, đối với em Châu Thị Yến N hiện đã trưởng thành nên bà không yêu cầu pháp luật xem xét. Riêng em Châu Văn P thì bà yêu cầu xem xét theo nguyện vọng của con, nếu con có nguyện vọng được sống chung với bà thì bà đồng ý nuôi, nếu con có nguyện vọng sống chung với ông H thì bà đồng ý để ông H nuôi. Về cấp dưỡng nuôi con bà chưa đặt ra yêu cầu ông H phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung; Về nợ chung và người khác nợ vợ chồng: Không có nên bà không đặt ra yêu cầu gì.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai của bị đơn ông Châu Văn H có lời trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ông với bà Bé B do mai mối và được gia đình cha mẹ hai bên đồng ý tổ chức lễ cưới vào năm 1999, hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A T, huyện C L, tỉnh Trà Vinh vào ngày 14/5/2001. Nữ trang trong ngày cưới gồm 01 đôi bông tai 01 chỉ vàng 24k và 01 sợi dây chuyền 01 chỉ vàng 24K, hiện nữ trang này không còn do trong thời gian chung sống vợ chồng ông đã thống nhất bán hết để chăn nuôi, việc chăn nuôi thua lỗ hiện nay không còn. Trong thời gian chung sống vợ chồng ông xảy ra nhiều mâu thuẫn, không thể hàn gắn, đến đầu năm 2015 thì bà Bé B cùng hai người con đã bỏ nhà ra đi vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Nay bà Bé B ly hôn với ông thì ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Bé B.

Về con chung: Có hai người con chung là em Châu Thị Yến N, sinh ngày 11/10/2000 và em Châu Văn P, sinh ngày 18/8/2002 hiện hai người con đang sống chung với bà Bé B. Sau khi ly hôn, đối với em Châu Thị Yến N hiện đã trưởng thành ông không đặt ra yêu cầu gì. Riêng em Châu Văn P ông thống nhất theo nguyện vọng của con, nếu con có nguyện vọng được sống chung với ông thì ông nuôi, nếu con có nguyện vọng sống chung với bà Bé B thì bà Bé B nuôi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông chưa đặt ra yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung; Về nợ chung và người khác nợ vợ chồng không có nên ông không đặt ra yêu cầu gì.

Tòa án có triệu tập hợp lệ ông Châu Văn H đến để kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vụ kiện theo quy định của pháp luật nhưng ông H vắng mặt và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt ông. Từ đó phiên hòa giải không tiến hành được và quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa hôm nay ông H có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt nên không có lời trình bày.

Theo em Châu Văn P có lời trình bày như sau: Em là con của ông Châu Văn H và bà Lê Thị Bé B, hiện tại em đang sống với mẹ là bà Bé B. Sau khi ba mẹ ly hôn với nhau thì nguyện vọng của em là sống với bà Bé B.

Quan điểm của Vị Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện C L kết luận trình tự thủ tục thụ lý hồ sơ vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thành phần hòa giải và thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm đều đúng qui định pháp luật. Các văn bản tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện cho đến khi ra quyết định đưa vụ án ra xét xử đều tổng đạt đầy đủ cho các đương sự nhận và tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử đã tiến hành đầy đủ trình tự thủ tục đúng theo qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo qui định pháp luật.

Tuy nhiên tại phiên Tòa hôm nay ông Châu Văn H vắng mặt không có lý do là chưa chấp hành nghiêm, phía Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng cho ông H theo quy định. Vị đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo qui định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Vị Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện C L đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Bé B.

Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Lê Thị Bé B với ông Châu Văn H được ly hôn với nhau.

Về con chung: Giao em Châu Văn P, sinh ngày 18 tháng 8 năm 2002 cho bà Lê Thị Bé B được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản. Có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà Bé B với ông H chưa đặt ra yêu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung; Về nợ chung và người khác nợ vợ chồng: Không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Vị còn đề nghị Hội đồng xét xử án buộc bà Bé B có nghĩa vụ nộp án phí hôn nhân theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Châu Văn H là bị đơn trong vụ án tại phiên Tòa hôm nay ông H vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Bé B với ông H đi đến xác lập quan hệ hôn nhân năm 1999, hôn nhân có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A T, huyện C L, tỉnh Trà Vinh vào ngày 14/5/2001 từ đó xác định hôn nhân giữa bà Bé B với ông H là hôn nhân hợp pháp.

[3] Về nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn: Trong thời gian chung sống giữa ông H với bà Bé B từ năm 1999, ông bà chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 2000 thì

phát sinh mâu thuẫn vợ chồng, mâu thuẫn kéo dài đến tháng 02 năm 2015 thì ông bà ly thân nhau. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do ông H thường xuyên đi uống rượu, không chăm lo làm ăn, khi ông H đi uống rượu về chửi bà, đánh bà Bé B nhiều lần, từ đó vợ chồng bất đồng ý kiến trong cuộc sống, mâu thuẫn kéo dài và bà Bé B cùng hai người con bỏ về nhà cha mẹ ruột của bà sống từ tháng 2 năm 2015 sau đó bà cùng hai người con đi làm thuê tại Thành Phố Hồ Chí Minh cho đến nay. Tại phiên tòa bà Bé B có nguyện vọng được ly hôn với ông H và theo bản tự khai, biên bản lấy lời khai của ông H thì ông cùng đồng ý ly hôn với bà Bé B. Ngoài ra ông không có yêu cầu gì khác.

[4] Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Bé B với ông H trong thời gian dài nhưng ông, bà không tìm cách tháo gỡ trao đổi hàn gắn tình cảm vợ chồng để gia đình đoàn tụ, cùng nhau chăm sóc nuôi dạy các con nên người nhằm xây dựng gia đình hạnh phúc, mà khi mâu thuẫn phát sinh ông bà bỏ mặt nhau, không còn quan tâm đến nhau trong cuộc sống vợ chồng, từ đó làm tình cảm vợ chồng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được.

Tại phiên tòa hôm nay bà Bé B xác định tình cảm vợ chồng giữa bà với ông H không còn hạnh phúc bà mong muốn được ly hôn với ông H. Hội đồng xét xử xét thấy nên chấp nhận yêu cầu này, về quan hệ hôn nhân cho bà Bé B với ông H được ly hôn với nhau.

[5] Về con chung: Xét thấy em Châu Thị Yến N, sinh ngày 11/10/2000 hiện đã trưởng thành và em Châu Văn Ph, sinh ngày 18/8/2002 đều là con chung của bà Bé B với ông H, hiện tại hai em đang sống chung với bà Bé B và được bà Bé B chăm sóc, nuôi dưỡng tốt và chu đáo về mọi mặt. Sau khi bà Bé B với ông H ly hôn với nhau đối với em Châu Thị Yến N đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét. Riêng em Châu Văn P thì nguyện vọng của em là được sống với mẹ là bà Bé B và bà Bé B cũng thống nhất nhận nuôi em P. Hội đồng xét xử xét thấy nên giao em Châu Văn P, sinh ngày 18/8/2002 cho bà Bé B được quyền tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng theo nguyện vọng của em là phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Bé B với ông H chưa yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về tài sản chung; Về nợ chung và người khác nợ vợ chồng: Không có, bà Bé B với ông H không đặt nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Bé B phải có nghĩa vụ nộp số tiền 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo qui định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 01 Điều 28; 35, 147, 179, 227, 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 19, 51, 53, 54, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng vào điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Bé B.

Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Lê Thị Bé B với ông Châu Văn H được ly hôn với nhau.

Về con chung: Giao em Châu Văn P, sinh ngày 18 tháng 8 năm 2002 cho bà Lê Thị Bé B được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Theo nguyện vọng của em Châu Văn P là sống với bà Lê Thị Bé B.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản. Có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà Bé B với ông H chưa đặt ra yêu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung; Về nợ chung và người khác nợ vợ chồng: Không có, các bên đương sự không đặt ra yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Buộc bà Lê Thị Bé B có nghĩa vụ nộp số tiền là 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/2018/00 03836 ngày 22 tháng 8 năm 2019 do bà Lê Thị Bé B nộp cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Càng Long thu. Bà Lê Thị Bé B đã nộp đủ án phí.

Ông Châu Văn H không phải nộp án phí.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo qui định tại Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện; tỉnh;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Liên

